TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám.

2. Ông Nguyễn Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thế Th, sinh năm: 1978. Cư trú tại: Ấp B, xã Th, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Trương Út X, sinh năm: 1981. Cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Thế Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thế Th và chị Trương Út X được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/09/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc, đến tháng 05/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Th và chị X sống ly thân từ tháng 06/2014 cho đến nay. Nay anh Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị X không còn, nên anh Th yêu cầu ly hôn với chị X; Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Th và chị X có 02 người con chung tên là Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004. Hiện cháu N và cháu Nh đang sống chung với anh Th, anh Th yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không có yêu cầu gì.

Bị đơn là chị Trương Út X đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, chị X không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị X.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004 cho anh Thạnh nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Chị Trương Út X là bị đơn trong vụ án, chị X đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị X.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế Th và chị Trương Út X là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 06/2014, hai bên đã

sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th yêu cầu được ly hôn với chị Xanh là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Th. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Th được ly hôn với chị X.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh Th và chị X có 02 người con chung tên là Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 22/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004 cho đến khi thành niên, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Đối với bị đơn chị Trương Út X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của anh Th, nhưng chị X không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy. Từ khi anh Th và chị X ly thân cho đến nay thì cháu N sống chung với anh Th, thời gian đầu cháu Nh sống chung với chị X. Sau đó, cháu Nh về sống chung với anh Th, nhưng chị X không có ý kiến phản đối. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thì cháu Nh và cháu N đều có nguyện vọng chung sống với anh Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004 cho anh Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, do anh Th không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con, nên chị X không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho chị X, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Th phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Chị X không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thế Th được ly hôn với chị Trương Út X.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế Nh, sinh ngày 20/02/2003 và Nguyễn Thế N, sinh ngày 01/09/2004 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh và cháu N thành niên. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho chị X, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thế Th phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng anh Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006115 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Chị X không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thế Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Trương Út X không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên